

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2025/HSPT

Ngày: 16 -12-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Trần Huy Đức

ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Đoàn Minh Lộc, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối điểm cầu thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị; Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 86/2025/TLPT-HS ngày 25 tháng 8 năm 2025 đối với bị cáo Hoàng Đình H và đồng phạm; do có kháng cáo của bị cáo Lê Thanh C và Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VPT2 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng nghị:

1. Hoàng Đình H, sinh ngày: 20/02/1994, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình H1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

2. Hoàng Đình Kiệu G, sinh ngày: 01/01/1991, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình Đ (đã chết) và bà Hoàng Thị T, sinh năm 1961; có vợ: Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1996 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án, tiền sự:

không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

3. Lê Thanh C; sinh ngày: 20/7/1984, tại tỉnh Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Q, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn Q, xã V, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Thanh H2, sinh năm 1956 và bà Trương Thị L, sinh năm 1957; vợ: Đoàn Thị Cẩm N, sinh năm 1989; có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

Ngày 13/3/2007, bị Công an huyện H xử phạt hành chính về hành vi “*Cố ý gây thương tích*” mức phạt 350.000 đồng. Năm 2007 đã thi hành.

Ngày 05/3/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xử phạt 5 năm tù và hình phạt bổ sung 7.000.000 đồng về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Ngày 02/6/2020 đã thi hành xong án phí dân sự và hình phạt bổ sung. Ngày 19/01/2023 chấp hành xong hình phạt tù.

Ngày 28/4/2025, bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q khởi tố về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” quy định tại Điều 170 BLHS.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; đến ngày 29/7/2025, bị Bắt tạm giam do vi phạm Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

4. Hoàng Đình P, sinh ngày: 07/8/1969, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn C, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn C, xã H, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình X (đã mất) và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1942; có vợ là Hoàng Thị T2, sinh năm 1972; Có 04 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 24/11/2006, bị Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị xử phạt 12 tháng tù, về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo Bản án số 42/2006/HSST. Đã thi hành xong án phí dân sự ngày 08/3/2007.

- Ngày 07/8/2007, bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xử phạt 06 tháng tù về tội “*Đánh bạc*”, tổng hợp của hai Bản án buộc chấp hành hình phạt 18 tháng; đã thi hành xong án phí dân sự ngày 02/11/2007; chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2008.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

5. Nguyễn Văn T3, sinh ngày 03/8/1968 tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn Đ, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 (đã mất) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1940; có vợ là Nguyễn Thị Kim C1, sinh năm 1972; có 05 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 04/01/2006, bị CA huyện H xử phạt hành chính về đánh bạc. Thi hành ngày 04/01/2006.

- Ngày 06/03/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Hướng Hóa xử phạt 3.000.000 đồng về tội “*Đánh bạc*” theo Bản án số 05/2013/HSST; ngày 10/4/2013 đã thi hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

6. Nguyễn Văn V1, sinh ngày: 20/9/1993, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1970 và bà Hoàng Thị H3, sinh năm 1972; có vợ: Nguyễn Thị Hồng H4, sinh năm 1995; có 02 con, lớn sinh năm 2023, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

7. Hoàng Quốc P1, sinh ngày: 14/9/1992, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quang D1, sinh năm 1963 và bà Phạm Thị C2, sinh năm 1963, có vợ: Lê Thị Thu H5, sinh năm 1993; có 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

8. Hoàng Đình D2, sinh ngày: 02/02/1985, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình P2 (đã mất) và bà Nguyễn Thị D3, sinh năm 1964; có vợ: Hoàng Thị Hồng N1, sinh năm 1987; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

9. Hoàng Đình B, sinh ngày: 17/07/1984, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình H1, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1959; có vợ: Hoàng Thị Hải L1, sinh năm 1980; có 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

10. Hoàng Văn P3, sinh ngày: 05/6/1973, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: thợ mộc; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn P4, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1948; có vợ: Lê Thị D4, sinh năm 1976; có 04 con, lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

11. Hoàng Đình T7, sinh ngày: 11/12/1973, tại Quảng Trị; nơi cư trú: thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là: thôn A, xã T, tỉnh Quảng Trị); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Đình S1 và bà Nguyễn Thị Q (đều đã mất); có vợ: Nguyễn Thị Hồng H6, sinh năm 1995; có 01 con, sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025 được áp dụng biện pháp “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/3/2025, Hoàng Đình H gọi điện rủ Nguyễn Chơn N2, Hoàng Đình B, Nguyễn Văn V1, Hoàng Quốc P1, Lê Thanh C hẹn khoảng 15 giờ cùng ngày đến chòi nuôi cá do mình quản lý (*thuộc* thôn A, xã T, huyện T) để đánh bạc để thu tiền xâu. Sau đó, H gọi điện bảo Hoàng Đình K Giao chiều đem tiền mặt đến để nhận chuyển khoản cho các đối tượng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Hoàng Đình B và Nguyễn Văn V1 đến chòi nuôi cá đợi. Thấy vậy, Hoàng Đình B, Nguyễn Văn T3, Hoàng Đình D2 và Hoàng Đình P đến chòi nuôi cá để cùng tham gia đánh bạc. Sau đó, H rủ những người trên đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa ăn thua bằng tiền thì những người trên đồng ý, nên H gọi điện, nhắn tin Năm và P1 đến đánh bạc. Khi Năm đến, H đem chân, chiếu, bát, đĩa, 04 quân bài vị được cắt ra từ bộ bài tú lơ khơ đặt giữa chòi cá. Sau đó, Năm xóc đĩa cho những người trên đánh bạc và mượn 10.000.000 đồng của H để tham gia đánh bạc. Cả nhóm đánh bạc được một lúc thì C, Phòng, Hoàng Đình T7, Hoàng Văn P3 và nhiều người khác (không xác định được họ tên) đến tham gia đánh bạc. Khoảng 18 giờ cùng ngày thì bị phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 101.300.000 đồng và các công cụ, phương tiện sử dụng để đánh bạc. Khi bắt quả tang, lợi dụng địa hình, địa vật lộn xộn, một số đối tượng đã bỏ chạy.

Khi đến chỗ mọi người đang đánh bạc, G đem theo 58.500.000 đồng tiền mặt để các đối tượng đánh bạc đổi tiền chuyển khoản và hưởng hoa hồng. Trong quá trình đánh bạc, G đổi tiền cho H 10.000.000 đồng, Phòng 5.000.000 đồng và B 3.500.000 đồng tiền mặt để hưởng 1% hoa hồng (tương ứng 185.000 đồng). Sau đó, H, P1 và B đã chuyển khoản lại cho G số tiền trên. Tuy nhiên, khi bị bắt thì G chưa lấy được tiền hoa hồng; H thu được 800.000 đồng tiền xâu.

Về hình thức các bị can sử dụng để đánh bạc cụ thể như sau:

Người xóc cái sử dụng bát, đĩa và 04 quân vị có hình tròn được cắt ra từ lá bài tú lơ khơ, có hai mặt, trong đó một mặt có hoa văn đỏ quy ước là mặt ngựa và một mặt có hoa văn màu xanh là mặt sấp. Sau khi người cầm cái xóc xong thì những người đánh bạc đặt cược tiền vào một trong hai cửa: cửa chắn (phía bên phải người cầm cái) hoặc cửa lẻ (phía bên trái người cầm cái). Người cầm cái mở bát, nếu các quân vị hiển thị 02 mặt ngựa, 02 mặt sấp hoặc 04 mặt ngựa hoặc 04 mặt sấp thì cửa chắn thắng, còn nếu các con vị hiển thị 03 mặt ngựa, 01 mặt sấp hoặc 01 mặt ngựa, 03 mặt sấp thì cửa lẻ thắng. Khi đó người

làm cái sẽ lấy tiền bên thua và chung tiền cho bên thắng theo tỷ lệ đặt 1 thắng 1 (ví dụ nếu đặt 100.000 đồng mà thắng thì được đưa thêm 100.000 đồng, còn thua thì thua 100.000 đồng đã đặt).

Quá trình điều tra, xác định số tiền sử dụng để đánh bạc như sau: Nguyễn Chon N2 20.800.000 đồng; Hoàng Đình T7 1.300.000 đồng; Hoàng Đình D2 8.000.000 đồng; Hoàng Đình P 2.500.000 đồng; Hoàng Quốc P1 1.000.000 đồng; Lê Thanh C 2.000.000 đồng; Hoàng Văn P3 3.100.000 đồng; Hoàng Đình B 3.500.000 đồng; Nguyễn Văn V1 1.100.000 đồng; Nguyễn Văn T3 3.000.000 đồng. T8 thua mỗi ván từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Khi Cơ quan điều tra bắt quả tang những người đánh bạc đã bỏ tất cả số tiền trên tay vào sòng bạc trong đó có một số đối tượng tham gia đánh bạc bỏ chạy không truy xét được, nên không xác định được thắng thua bao nhiêu.

* Thu giữ vật chứng, tài sản:

- Chiếc nhựa có màu xanh có kích thước 1,5x3 mét.
- Chăn màu đỏ có kích thước 1,6x2 mét.
- Bát sứ màu trắng và đĩa sứ màu trắng không có hoa văn.
- 04 con vị hình tròn được cắt ra từ lá bài tú lơ khơ.
- Điện thoại Redmi 12 màu bạc của Hoàng Đình K Giao; điện thoại Iphone 11 màu trắng của Hoàng Quốc P1; điện thoại Samsung Galaxy A03s màu đen của Hoàng Đình B; điện thoại Iphone 11 Promax màu vàng của Hoàng Đình H; điện thoại Oppo A95 màu đen của Nguyễn Chon N2.

- Thu giữ số tiền 101.300.000 đồng (trong đó thu giữa chiếu bạc 61.300.000 đồng, thu trong người Hoàng Đình K Giao 40.000.000 đồng).

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 67/2025/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Đình H, Hoàng Đình Kiệu G phạm tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo các điểm b, c khoản 1 Điều 322 BLHS.

Bị cáo Lê Thanh C, Hoàng Đình P, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Chon N2, Nguyễn Văn V1, Hoàng Quốc P1, Hoàng Quốc P1, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7 phạm tội *Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS.

2. Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

2.1. Xử phạt bị cáo Hoàng Đình H: 60.000.000đồng.

2.2. Xử phạt bị cáo Hoàng Đình Kiệu G: 50.000.000đồng.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

3.1. Xử phạt bị cáo Lê Thanh C: 36 (ba mươi sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày 29/7/2025 được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS.

3.2. Xử phạt bị cáo Nguyễn Chon N2: 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

3.3. Xử phạt bị cáo Hoàng Đình P: 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS. Bị cáo Nguyễn Văn T3 áp dụng thêm điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo Hoàng Đình Kiệu G, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình T7, Hoàng Quốc P1, Hoàng Văn P3 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS: Xử phạt:

3.4. Bị cáo Nguyễn Văn T3: 30.000.000đồng.

3.5. Bị cáo Hoàng Đình D2: 30.000.000đồng.

3.6. Bị cáo Hoàng Đình B: 20.000.000đồng.

3.7. Bị cáo Hoàng Văn P3: 20.000.000đồng.

3.8. Bị cáo Hoàng Đình T7: 20.000.000đồng.

3.9. Bị cáo Nguyễn Văn V1: 20.000.000đồng.

3.10. Bị cáo Hoàng Quốc P1: 20.000.000đồng.

Giao bị cáo Hoàng Đình P cho UBND xã H, tỉnh Quảng Trị; giao bị cáo Nguyễn Chơn N2 cho UBND xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

- Ngày 22/7/2025 bị cáo Lê Thanh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Ngày 12/8/2025, Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng ban hành Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VPT2 đề nghị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xét xử theo thủ tục phúc thẩm, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng:

+ Tăng mức hình phạt chính là phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Đình H, Hoàng Đình Kiệu G.

+ Áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Hoàng Đình P.

+ Không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt tù trong khung hình phạt bị xét xử là khoản 2 Điều 321 BLHS và áp dụng thêm Điều 65 BLHS để cho các bị cáo được hưởng án treo, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7, Nguyễn Văn V1 và Hoàng Quốc P1.

+ Áp dụng hình phạt chính là hình phạt cải tạo không giam giữ, đồng thời áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T3.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Lê Thanh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh C; đề chấp nhận toàn bộ kháng nghị, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm theo như đề nghị của Kháng nghị số 03/QĐ-VPT2 ngày 12/8/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tội danh:

Ngày 10/3/2025, bị cáo Hoàng Đình H đã có hành vi rử rê, chuẩn bị công cụ, phương tiện, cho những người đánh bạc trên sử dụng chòi nuôi cá (tại thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị) do mình quản lý làm địa điểm đánh bạc để thu lợi số tiền 800.000 đồng tiền râu; Hoàng Đình K Giao mang theo số tiền 58.500.000 đồng đến chòi cá để đổi tiền cho người tham gia đánh bạc, bị cáo G đã đổi cho các đối tượng đánh bạc số tiền 18.500.000 đồng, hưởng lợi 185.000 đồng.

Các bị cáo Hoàng Đình D2, Nguyễn Văn V1, Hoàng Văn P3, Nguyễn Chon N2, Nguyễn Văn T3, Hoàng Đình B, Lê Thanh C, Hoàng Quốc P1, Hoàng Đình T7, Hoàng Đình P có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 61.300.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm đã quyết định bị cáo Hoàng Đình H, Hoàng Đình K Giao phạm tội “*Tổ chức đánh bạc*” theo các điểm b, c khoản 1 Điều 322 BLHS; các bị cáo Lê Thanh C, Hoàng Đình P, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Chon N2, Nguyễn Văn V1, Hoàng Quốc P1, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7 phạm tội “*Đánh bạc*” theo điểm b khoản 2 Điều 321 BLHS. Không có kháng cáo, kháng nghị đề nghị xem xét về hành vi phạm tội và tội danh.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò, nhân thân của từng bị cáo:

Các Bị cáo cùng được hưởng tình tiết “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Nguyễn Văn T3: Có xác nhận của UBND phường A, thị xã Q “Biểu dương công dân đã có thành tích dũng cảm cứu người bị đuối nước trên địa bàn phường A, thị xã Q”. Đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Nguyễn Văn T3, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7 và Nguyễn Văn V1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS.

Các bị cáo Nguyễn Văn T3, D2, B, P3, V1 và Hoàng Đình T7 có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS để xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Bị cáo Hoàng Đình K Giao quá trình làm việc, có nhiều giấy khen, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có bố là thương binh; Hoàng Đình D2 cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bản thân bị cáo thường xuyên đau ốm; Hoàng Đình T7 cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn; Hoàng Quốc P1 cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn, bố mẹ thường xuyên đau ốm; Hoàng Văn P3 cung cấp giấy xác nhận hoàn cảnh khó khăn; bị cáo Hoàng Đình P được biểu dương người tốt việc tốt, có xác nhận của UBND xã; là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng cho các bị cáo.

Bị cáo Lê Thanh C có nhân thân xấu (đã bị xử phạt hành chính và bị Tòa án xét xử); phạm tội mới khi đang trong thời gian được tại ngoại; hiện nay đang bị khởi tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản”; số tiền bị cáo tham gia đánh bạc là 2.000.000 đồng. Thấy rằng, cần áp dụng hình phạt tù mới có tính chất răn đe đối với bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Chơn N2 tham gia với số tiền đánh bạc nhiều nhất là 20.800.000 đồng và cũng là người xóc đĩa nên có vai trò cao trong vụ án. Bị cáo Hoàng Đình P có nhân thân xấu (02 lần bị Tòa án xét xử) số tiền đánh bạc 2.500.000 đồng nên vai trò thấp hơn bị cáo N2.

Bị cáo Nguyễn Văn T3 có nhân thân xấu (đã bị xử phạt hành chính và bị Tòa án xét xử) số tiền đánh bạc 3.000.000 đồng nên vai trò của bị cáo T3 xếp ngang với bị cáo P.

Đối với các bị cáo còn lại vai trò của các bị cáo được xếp theo số tiền mà các bị cáo thực hiện như sau: Hoàng Đình D2 sử dụng số tiền đánh bạc: 8.000.000 đồng; Hoàng Đình B sử dụng số tiền đánh bạc: 3.500.000 đồng; Hoàng Văn P3 sử dụng số tiền đánh bạc: 3.100.000 đồng; Hoàng Đình T7 sử dụng số tiền đánh bạc: 1.300.000 đồng; Nguyễn Văn V1 sử dụng số tiền đánh bạc: 1.100.000 đồng; Hoàng Quốc P1 sử dụng số tiền đánh bạc: 1.000.000 đồng.

[3] Xem xét kháng cáo, kháng nghị:

[3.1]- Bị cáo Lê Thanh C đã được bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để xử phạt bị cáo C 36 (ba mươi sáu) tháng tù là phù hợp, đúng quy định pháp luật. Tại giai đoạn phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

[3.2]- Các bị cáo Hoàng Đình H và bị cáo Hoàng Đình K Giao được Bản án sơ thẩm áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; từ đó xử phạt bị cáo Hoàng Đình H: 60.000.000đồng và xử phạt bị cáo Hoàng Đình K Giao: 50.000.000đồng. Kháng nghị cho rằng 02 bị cáo chủ mưu, cầm đầu cần nghiêm trị theo điểm c khoản 1 Điều 3 BLHS; vì vậy cần tăng mức xử phạt tiền từ 200.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng.

Xét thấy bị cáo H là chủ mưu tổ chức đánh bạc, trong vụ án có bị cáo tham gia đánh bạc bị xử phạt tù, nên xử phạt tiền bị cáo H là quá nhẹ. Kháng

nghị nêu là cơ sở, nhưng đề nghị tiếp tục phạt tiền là chưa hợp lý, trong trường hợp này tiếp tục phạt tiền là không đúng quy định pháp luật. Trên cơ sở phạm vi kháng nghị và giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị đối với trường hợp bị cáo Hoàng Đình H; đồng thời Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Bị cáo Hoàng Đình Kiệt G chỉ tham gia với vai trò giúp sức, nên chấp nhận kháng nghị, nâng mức phạt tiền đối với bị cáo G từ 50.000.000đồng lên 200.000.000 đồng.

[3.3]- Bị cáo Hoàng Đình P được Bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của BLHS và xử phạt bị cáo Hoàng Đình P: 36 (ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Kháng nghị xác định bị cáo có nhân thân xấu, lần phạm tội này là tội phạm nghiêm trọng, nhưng chỉ đề nghị phạt bổ sung 40- 50.000.000 đồng, còn lại giữ nguyên hình phạt chính là phạt tù nhưng cho hưởng án treo.

Xét thấy việc đề nghị phạt bổ sung bị cáo P số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên không có kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm về việc xem xét hình phạt chính, trong khi bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Trên cơ sở phạm vi kháng nghị và giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị đối với trường hợp bị cáo Hoàng Đình P; đồng thời Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3.4]- Bị cáo Nguyễn Văn T3 được Bản án sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s, u khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS để xử phạt hình phạt chính là 30.000.000đồng. Kháng nghị xác định bị cáo T3 được Tòa án sơ thẩm áp dụng tình tiết “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” là không đúng, nên chỉ còn tình tiết giảm nhẹ s, u khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo có nhân thân xấu, nên đề nghị nâng lên loại hình phạt cải tạo không giam giữ, khấu trừ thu nhập và phạt bổ sung từ 40.000.000đ – 50.000.000đ.

Xét thấy bị cáo T3 có nhân thân xấu, nay lại phạm tội nghiêm trọng, nên không đủ điều kiện để được hưởng Cải tạo không giam giữ. Trên cơ sở phạm vi kháng nghị và giới hạn phạm vi xét xử phúc thẩm, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng nghị đối với trường hợp bị cáo Nguyễn Văn T3; đồng thời Kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét theo thủ tục Giám đốc thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[3.5] - Các Bị cáo Hoàng Đình D2: Hoàng Đình B; Hoàng Văn P3; Hoàng Đình T7; Nguyễn Văn V1; Hoàng Quốc P1: được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS.

Bị cáo Hoàng Đình D2, Hoàng Đình T7, Hoàng Quốc P1, Hoàng Văn P3 áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 BLHS; từ đó đã xử phạt hình phạt chính:

Bị cáo Hoàng Đình D2: 30.000.000đồng.

Bị cáo Hoàng Đình B: 20.000.000đồng.

Bị cáo Hoàng Văn P3: 20.000.000đồng.

Bị cáo Hoàng Đình T7: 20.000.000đồng.

Bị cáo Nguyễn Văn V1: 20.000.000đồng.

Bị cáo Hoàng Quốc P1: 20.000.000đồng.

Kháng nghị xác định các bị cáo được Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng tình tiết “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” không đúng là có căn cứ; như vậy các bị cáo chỉ còn một tình tiết giảm nhẹ, nên không được áp dụng Điều 54 BLHS để xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt xét xử. Nhưng các bị cáo đều có nhân thân tốt, nên đề nghị áp dụng Điều 65 BLHS để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo và phạt tiền bổ sung. Xét thấy kháng nghị xác định tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo là hợp lý, nên loại bỏ tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và không áp dụng Điều 54 BLHS. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, mức độ tham gia đánh bạc thấp hơn các bị cáo khác; do đó cần chấp nhận kháng nghị, sửa phần hình phạt cho 06 bị cáo theo hướng chuyển sang hình phạt tù trong khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 BLHS, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; đồng thời phạt tiền bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Các quyết định khác còn lại của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Lê Thanh C phải chịu là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355, khoản 2 Điều 357; Điều 372 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VPT2 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đối với các bị cáo Hoàng Đình H, Hoàng Đình P, Nguyễn Văn T3; giữ nguyên hình phạt của Bản án hình sự sơ thẩm đối với các bị cáo; Kiến nghị người có thẩm quyền xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 67/HSST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, về phân trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo H, P, T3.

Chấp nhận Quyết định kháng nghị số 03/QĐ-VPT2 ngày 12 tháng 8 năm 2025 của Viện trưởng Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đối với các bị cáo Hoàng Đình Kiệu G, Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7, Nguyễn Văn V1, Hoàng Q; sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Thanh C, giữ nguyên hình phạt của bản án hình sự sơ thẩm đối với bị cáo C.

2. Về trách nhiệm hình sự:

2.1- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Đình H: 60.000.000đồng (sáu mươi triệu đồng) về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 67/HSST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo H.

2.2- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS; xử phạt bị cáo Hoàng Đình P: 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo Hoàng Đình P cho UBND xã H, tỉnh Quảng Trị giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 67/HSST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo P.

2.3- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm i, s, u khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T3: 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) về tội “*đánh bạc*”.

Kiến nghị Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét lại theo thủ tục giám đốc thẩm Bản án hình sự sơ thẩm số 67/HSST ngày 16/7/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, về phân trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T3.

2.4- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, Xử phạt bị cáo Lê Thanh C: 36 (ba mươi sáu) tháng tù về tội “*đánh bạc*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/7/2025; được trừ thời gian bị tạm giữ từ ngày 10/3/2025 đến ngày 16/3/2025.

2.5- Áp dụng điểm b, c khoản 1 Điều 322; Điều 35; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Đình K Giao 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) về “*Tổ chức đánh bạc*”.

2.6- Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các Bị cáo Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B: Hoàng Đình T7, Hoàng Quốc P1, Hoàng Văn Phương Nguyễn Văn V1; Xử phạt:

- Bị cáo Hoàng Đình D2 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo D2 : 30.000.000đồng.

- Bị cáo Hoàng Đình B 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng.

- Bị cáo Hoàng Văn P3: 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng.

- Bị cáo Hoàng Đình T7: 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng.

- Bị cáo Nguyễn Văn V1: 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng.

- Bị cáo Hoàng Quốc P1: 03 (ba) năm tù về tội “*đánh bạc*”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 tháng, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm. Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000đồng.

Giao các bị cáo Hoàng Đình D2, Hoàng Đình B, Hoàng Văn P3, Hoàng Đình T7, Nguyễn Văn V1, Hoàng Quốc P1 cho UBND xã T, tỉnh Quảng Trị giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về không có kháng cáo, không bị kháng nghị thì không xem xét.

Bị cáo Lê Thanh C phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Cơ quan CSĐT, Phòng tham mưu-CA tỉnh Quảng Trị;
- Cục THAHS và HTTP CA tỉnh Quảng Trị;
- UBND xã Triệu Cơ;
- Các Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long